

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2026

**MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG
VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG NĂM 2026**

Chủ đề: "Quản trị thông minh – Nâng tầm thương hiệu"

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN (Tháng/năm)		CHỈ ĐẠO	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/PHỐI HỢP
				BẮT ĐẦU	KẾT THÚC			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A KPIs THEO KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC								
I ĐỊNH HƯỚNG 1: TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐA LĨNH VỰC, ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO								
G1 Phát triển các ngành nghề và mô hình đào tạo mới								
1	Xác định và tập trung phát triển các ngành/nhóm ngành đào tạo mũi nhọn của Nhà trường	- Bộ tiêu chuẩn CTĐT tiên tiến hội nhập quốc tế. - 18 CTĐT đáp ứng điều kiện được giảng dạy bằng tiếng Anh. - 05 CTĐT bằng tiếng Anh được phát triển mới.	Lập kế hoạch	20/01/2026	15/02/2026	TS. Quách Thanh Hải	P.ĐT	Các khoa có CTĐT tiếng Anh như phân công
		Triển khai	15/02/2026	30/10/2026	30/11/2026			
<p>- P.ĐT chủ trì, K.ĐTTT thực hiện, các khoa có CTĐT tiếng Anh phối hợp thực hiện xây dựng tiêu chuẩn và các quy định về CTĐT tiên tiến hội nhập quốc tế.</p> <p>- P.ĐT chủ trì, K.ĐTTT thực hiện việc lập các điều kiện để CTĐT được giảng dạy bằng tiếng Anh, các khoa có CTĐT tiếng Anh thực hiện việc rà soát và đảm bảo 18 CTĐT hiện hữu đáp ứng điều kiện được giảng dạy bằng tiếng Anh.</p> <p>-P.ĐT chủ trì, K.ĐTTT phối hợp K.CNHTTP, K.CNTT, K.KT, K.XD phát triển 05 CTĐT mới (Công nghệ kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật dữ liệu, Kinh doanh quốc tế, Thương mại điện tử, Quản lý xây dựng) đáp ứng điều kiện được giảng dạy bằng tiếng Anh.</p>								
2	Phát triển các ngành đào tạo mới mang tính liên ngành, liên lĩnh	52 CTĐT đại học được rà soát và điều chỉnh theo định hướng liên ngành, liên lĩnh vực, hội nhập quốc tế và tích hợp.	Lập kế hoạch	20/01/2026	15/02/2026	TS. Quách Thanh Hải	P.ĐT	14 Khoa/Viện có ngành đào tạo
			Triển khai	15/02/2026	20/8/2026			

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN (Tháng/năm)		CHỈ ĐẠO	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/PHỐI HỢP	
				BẮT ĐẦU	KẾT THÚC				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
	vực/Tích hợp các CTĐT hiện hữu nhằm đạt hiệu quả cao trong đào tạo	<p>- P.ĐT chủ trì, Khoa/Viện có ngành đào tạo trình độ đại học thực hiện rà soát và điều chỉnh CTĐT đại học theo hướng liên ngành liên lĩnh vực.</p> <p>- Các đơn vị phối hợp thực hiện theo kế hoạch của P.ĐT.</p>	Báo cáo kết quả thực hiện	20/8/2026	30/11/2026				
			<p>- Số lượng CTĐT trình độ Thạc sĩ: 23 CTĐT.</p> <p>- Số lượng CTĐT trình độ Tiến sĩ: 12 CTĐT.</p>	Lập kế hoạch	15/01/2026	15/02/2026	PGS.TS. Lê Hiếu Giang	V.SDH	K.CKM, K.KT, K.XD, K.ĐĐT, K.KHUD.
				Triển khai	16/01/2026	15/11/2026			
				Báo cáo kết quả thực hiện	16/11/2026	30/11/2026			
<p>Các đơn vị thực hiện theo kế hoạch của V.SDH.</p> <p>(K.XD:KTXD Công trình giao thông; K.KHUD: Kỹ thuật vật liệu; K.CKM: Kỹ thuật Công nghiệp; K.KT: Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng; K.ĐĐT: Kỹ thuật máy tính).</p>									
3	Mở rộng đào tạo từ xa bằng hình thức đào tạo trực tuyến	<p>- Số lượng CTĐT hệ từ xa (trực tuyến) tuyển sinh: 22 CTĐT.</p> <p>- Số lượng khóa học online (đối tượng NH bên ngoài Trường: CSV, đào tạo ngắn hạn, Micro-credential courses): 10 khóa học.</p>	Lập kế hoạch	15/01/2026	15/02/2026	TS. Quách Thanh Hải	TT.HLDHS	Các Khoa/Viện có quản ngành	
			Triển khai	16/02/2026	30/11/2026				
			Báo cáo kết quả thực hiện	15/11/2026	30/11/2026				
<p>Các Khoa/Viện có quản ngành phối hợp theo kế hoạch được phê duyệt.</p>									
G2	Tăng cường hội nhập và mở rộng quan hệ với đối tác bên ngoài								
1	Tăng cường gắn kết và mở rộng quan hệ đối tác với các doanh nghiệp	<p>- Số lượng doanh nghiệp tham gia các hoạt động tuyển dụng SV của Trường: 220 doanh nghiệp.</p> <p>- Số lượng hồ sơ SV giới thiệu với doanh nghiệp: 5.200 hồ sơ.</p> <p>- Số lượng chương trình/hội thảo/cuộc thi kết hợp với doanh nghiệp tổ chức cho sinh viên: 37 chương trình/hội thảo/cuộc thi.</p>	Lập kế hoạch	01/01/2026	31/01/2026	TS. Trương Thị Hiền	P.QHDN	14 Khoa/Viện	
			Triển khai	01/02/2026	31/10/2026				
			Báo cáo kết quả thực hiện	01/11/2026	30/11/2026				

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN (Tháng/năm)		CHỈ ĐẠO	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/PHỐI HỢP									
				BẮT ĐẦU	KẾT THÚC												
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)									
		<i>Các Khoa/Viện phối hợp theo chỉ tiêu phân bổ như sau:</i>															
		Đơn vị	CKM	GTNL	CNHHTP	CNTT	ĐĐT	InTT	KT	NN	TDDL	KHUD	XD	ĐTTT	CTL	SPKT	Tổng
		Số lượng DN tham gia các hoạt động tuyển dụng	45	22	10	10	45	10	25	10	10	03	20	10	0	0	220
		Số lượt SV ứng tuyển trên chuyên trang tìm việc tuyển dụng Career Hub	790	440	260	340	890	100	570	250	200	20	420	920	0	0	5.200
		Số lượng chương trình/hội thảo/cuộc thi	04	03	02	02	04	02	03	02	02	02	03	04	02	02	37
2	Chủ động chiến lược hợp tác quốc tế	- Số lượng dự án quốc tế ứng tuyển năm 2026: 03 dự án. - Số lượng dự án quốc tế thực hiện năm 2026: 04 dự án.	Lập kế hoạch	01/01/2026	28/02/2026	Triển khai	01/3/2026	14/11/2026	Báo cáo kết quả thực hiện	15/11/2026	30/11/2026	PGS.TS. Lê Hiếu Giang	V.ĐTQT	P.QHQT			
		<i>P.QHQT hỗ trợ thực hiện các thủ tục/giấy tờ cần thiết theo yêu cầu.</i>															
3	Phát triển đa dạng các CTĐT và mô hình liên kết quốc tế	- Tổng quy mô SV các CTĐT LKQT năm 2026: 320 SV. - Số lượng chuyển tiếp SV chính quy sang mô hình (2+2) qua các trường đối tác nước ngoài: 10 SV.	Lập kế hoạch	01/01/2026	28/02/2026	Triển khai	01/3/2026	14/11/2026	Báo cáo kết quả thực hiện	15/11/2026	30/11/2026	PGS.TS. Lê Hiếu Giang	V.ĐTQT	P.CTSV, P.ĐT			
		<i>P.CTSV và P.ĐT hỗ trợ các thủ tục xác nhận cho SV chính quy về quá trình học tại HCM-UTE trước khi chuyển tiếp qua trường đối tác nước ngoài.</i>															
II	ĐỊNH HƯỚNG 2: TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XUẤT SẮC																
G3	Xây dựng danh tiếng đồng hành cùng thương hiệu của Nhà trường																
1	Tham gia xếp hạng đại học thế giới/Châu Á	Chỉ số xếp hạng QS Châu Á chu kỳ 2027: cải thiện tối thiểu 200 bậc so với chu kỳ 2026.	Lập kế hoạch	01/01/2026	31/03/2026	Triển khai	01/02/2026	15/11/2026	Báo cáo kết quả thực hiện	01/11/2026	30/11/2026	PGS.TS. Châu Đình Thành	P.KTĐBCL	Các đơn vị như phân công			

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN (Tháng/năm)		CHỈ ĐẠO	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/PHỐI HỢP																																																												
				BẮT ĐẦU	KẾT THÚC																																																															
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)																																																												
		<p><i>Các đơn vị giới thiệu nhà khoa học (NKH) và nhà tuyển dụng (NTD) với yêu cầu như sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 50% là nhà khoa học nước ngoài. - Không trùng với danh sách đã giới thiệu năm 2025. - Chỉ tiêu cụ thể theo số lượng phân bổ như bảng dưới đây: <table border="1" style="width:100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>Đơn vị</th> <th>CTL</th> <th>CKM</th> <th>GTNL</th> <th>CNHHTP</th> <th>CNTT</th> <th>ĐTTT</th> <th>ĐĐT</th> <th>InTT</th> <th>KT</th> <th>NN</th> <th>TTDL</th> <th>XD</th> <th>SPKT</th> <th>STKN CGCN</th> <th>ĐTQT</th> <th>KHCN</th> <th>QHQT</th> <th>KTĐBCL</th> <th>QHDN</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>NKH</td> <td>12</td> <td>48</td> <td>28</td> <td>24</td> <td>18</td> <td>10</td> <td>58</td> <td>12</td> <td>28</td> <td>24</td> <td>18</td> <td>32</td> <td>10</td> <td>0</td> <td>10</td> <td>20</td> <td>30</td> <td>20</td> <td>0</td> </tr> <tr> <td>NTD</td> <td>12</td> <td>48</td> <td>28</td> <td>24</td> <td>18</td> <td>10</td> <td>58</td> <td>12</td> <td>28</td> <td>24</td> <td>18</td> <td>32</td> <td>10</td> <td>20</td> <td>10</td> <td>10</td> <td>0</td> <td>10</td> <td>30</td> </tr> </tbody> </table>							Đơn vị	CTL	CKM	GTNL	CNHHTP	CNTT	ĐTTT	ĐĐT	InTT	KT	NN	TTDL	XD	SPKT	STKN CGCN	ĐTQT	KHCN	QHQT	KTĐBCL	QHDN	NKH	12	48	28	24	18	10	58	12	28	24	18	32	10	0	10	20	30	20	0	NTD	12	48	28	24	18	10	58	12	28	24	18	32	10	20	10	10	0	10	30
Đơn vị	CTL	CKM	GTNL	CNHHTP	CNTT	ĐTTT	ĐĐT	InTT	KT	NN	TTDL	XD	SPKT	STKN CGCN	ĐTQT	KHCN	QHQT	KTĐBCL	QHDN																																																	
NKH	12	48	28	24	18	10	58	12	28	24	18	32	10	0	10	20	30	20	0																																																	
NTD	12	48	28	24	18	10	58	12	28	24	18	32	10	20	10	10	0	10	30																																																	
		<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ công bố khoa học và công nghệ/GV: 1,42. - Tỷ lệ công bố bài báo (Scopus, WoS)/GV: 0,6. 	<ul style="list-style-type: none"> Lập kế hoạch Triển khai Báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> 01/01/2026 01/02/2026 01/11/2026 	<ul style="list-style-type: none"> 30/3/2026 15/11/2026 30/11/2026 	PGS.TS. Châu Đình Thành	P.KHCN	Khoa/Viện, Trung tâm có đào tạo																																																												
		<p><i>Các đơn vị phối hợp thực hiện theo kế hoạch của P.KHCN.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng trao đổi GV inbound: 15 GV. - Số lượng trao đổi GV outbound: 25 GV. - Số lượng trao đổi SV inbound: 40 SV. - Số lượng trao đổi SV outbound: 40 SV. - Số lượng GV nước ngoài: 03 GV. - Số lượng SV quốc tế học tại HCM-UTE tối thiểu 3 tháng: 08 SV. 							<ul style="list-style-type: none"> Lập kế hoạch Triển khai Báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> 01/01/2026 01/02/2026 01/11/2026 	<ul style="list-style-type: none"> 31/03/2026 15/11/2026 30/11/2026 	PGS.TS. Châu Đình Thành	P.QHQT	Tất cả các Khoa/Viện																																																						
		<p><i>Các đơn vị phối hợp thực hiện theo kế hoạch của P.QHQT.</i></p>																																																																		
2	Phát triển Tạp chí JTE, nâng tầm quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng trích dẫn: tăng 30%. - Tỷ lệ tác giả ngoài trường: 50%. - Tỷ lệ bài viết có tác giả quốc tế: 10%. 	<ul style="list-style-type: none"> Lập kế hoạch Triển khai Báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> 15/01/2026 16/02/2026 15/11/2026 	<ul style="list-style-type: none"> 15/02/2026 30/11/2026 30/11/2026 	PGS.TS. Châu Đình Thành	TCKHGDKT	Các đơn vị như phân công																																																												
		<p><i>Các Khoa/Viện: ĐĐT, CKM, CNHHTP, GTNL, CNTT, SPKT phối hợp thực hiện theo kế hoạch của TCKHGDKT; các chỉ số cụ thể được cập nhật trong kế hoạch triển khai.</i></p>																																																																		
3		Tỷ lệ các CTĐT Thạc sĩ được đánh giá/kiểm định (đủ điều kiện kiểm định): 50% CTĐT.	<ul style="list-style-type: none"> Lập kế hoạch Triển khai 	<ul style="list-style-type: none"> 01/01/2026 16/02/2026 	<ul style="list-style-type: none"> 15/02/2026 15/11/2026 	PGS.TS. Châu	P.KTĐBCL	6 Khoa/Viện																																																												

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN (Tháng/năm)		CHỈ ĐẠO	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/PHỐI HỢP		
				BẮT ĐẦU	KẾT THÚC					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		
	Củng cố và cải tiến hệ thống ĐBCL bên trong		Báo cáo kết quả thực hiện	16/11/2026	30/11/2026	Đình Thành				
<i>Các Khoa/Viện: ĐĐT, XD, CNHHTP, GTNL, CKM, SPKT phối hợp thực hiện theo kế hoạch của P.KTĐBCL.</i>										
4	Đẩy mạnh quảng bá hình ảnh Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM (HCM-UTE) trong cộng đồng	Số lượng các hoạt động PVCĐ của SV: 80 hoạt động.	Lập kế hoạch	15/01/2026	15/02/2026	TS. Quách Thanh Hải	P.CTSV	14 Khoa/Viện có ngành đào tạo		
			Triển khai	16/02/2026	30/11/2026					
			Báo cáo kết quả thực hiện	15/11/2026	30/11/2026					
		<i>Các đơn vị phối hợp thực hiện theo kế hoạch của P.CTSV.</i>								
G4	Tác động và đóng góp tích cực cho xã hội									
1	Nghiên cứu và sáng tạo để chuyên giao công nghệ và phục vụ cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> Các chỉ số về nghiên cứu và đổi mới sáng tạo: <ul style="list-style-type: none"> Số lượng đề tài NCKH có PVCĐ: 03 đề tài. Số lượng đề tài NCKH có CGCN: 03 đề tài. Số lượng bằng phát minh, sáng chế: 04 bằng. Tỷ trọng thu từ KHCN: 5,2%. 	Lập kế hoạch	01/01/2026	30/3/2026	PGS.TS. Châu Đình Thành	P.KHCN			
			Triển khai	01/02/2026	15/11/2026					
			Báo cáo kết quả thực hiện	01/11/2026	30/11/2026					
		<i>Các đơn vị phối hợp thực hiện theo kế hoạch của P.KHCN.</i>								
			- Số lượng nhóm SV tham gia các cuộc thi khởi nghiệp: 30 nhóm. - Số lượng nhóm SV/CSV khởi nghiệp: 02 nhóm.	Lập kế hoạch	05/01/2026	30/03/2026	PGS.TS. Châu Đình Thành	TT.STKNC GCN	10 Khoa 01 Viện 05 Phòng	
				Triển khai	01/02/2026	15/11/2026				
		Báo cáo kết quả thực hiện	01/11/2026	30/11/2026	<i>Các đơn vị phối hợp: K.CKM, K.GTNL, K.CNHHTP, K.CNTT, K.ĐTTT, K.ĐĐT, K.InTT, K.KT, K.TTDL, K.XD, V.ĐTQT, P.KHCN, P.KHTC, P.CTSV, P.QHQT, P.QHDN thực hiện theo kế hoạch của TT.STKNCGCN.</i>					
	Số lượng sân chơi NCKH cho học sinh phổ thông: 25 sân chơi.	Lập kế hoạch	15/01/2026	15/02/2026	TS. Quách Thanh Hải	P.CTSV	14 Khoa/Viện có ngành đào tạo			
		Triển khai	16/02/2026	30/11/2026						
		Báo cáo kết quả thực hiện	15/11/2026	30/11/2026	<i>Khoa/Viện phối hợp thực hiện theo kế hoạch của P.CTSV.</i>					
2			Lập kế hoạch	01/01/2026	30/3/2026		P.KHCN			

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN (Tháng/năm)		CHỈ ĐẠO	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/PHỐI HỢP		
				BẮT ĐẦU	KẾT THÚC					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		
	Nghiên cứu khoa học đóng góp tri thức cho nhân loại	Chỉ số H-index cho toàn Trường (Google scholar): 80. <i>Các đơn vị phối hợp thực hiện theo kế hoạch của P.KHCN.</i>	Triển khai Báo cáo kết quả thực hiện	01/02/2026 01/11/2026	15/11/2026 30/11/2026	PGS.TS. Châu Đình Thành		Các đơn vị trong toàn Trường		
III ĐỊNH HƯỚNG 3: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG										
G5 Khai thác hiệu quả và bền vững các nguồn nhân lực để phát triển Nhà trường										
1	Phát triển nguồn lực con người	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng GV cơ hữu: 689 GV. - Số lượng chuyên viên: 271 CV. - Số lượng Giáo sư: 04 GS. - Số lượng Phó Giáo sư: 100 PGS. - Tỷ lệ NH quy đổi/GV toàn thời gian: <40%. - Tỷ lệ GV cơ hữu/GV toàn thời gian: 90%. - Tỷ lệ Tiến sĩ toàn trường: 49%. - Tỷ lệ GV, VC, NLĐ tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn: 24%. 	Lập kế hoạch Triển khai	01/01/2026 16/02/2026	15/02/2026 15/11/2026	PGS.TS. Lê Hiếu Giang	P.TCNS	Các đơn vị trong toàn Trường		
			Báo cáo kết quả thực hiện	16/11/2026	30/11/2026					
<i>Các đơn vị phối hợp triển khai thực hiện đề án vị trí việc làm tại đơn vị, giới thiệu, thông báo và tuyển dụng đúng quy định.</i>										
2	Nâng tầm cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích sàn xây dựng trên một NH chính quy: 4.0 m²/NH. - Chỉ số hài lòng của GV về điều kiện phòng làm việc, nghỉ ngơi: 81%. 	Lập kế hoạch Triển khai	01/01/2026 01/04/2026	30/03/2026 15/11/2026	TS. Trương Thị Hiền	P.QTCSVC	P.QLĐTXĐĐT, P.CTSV, P.KTĐBCL		
			Báo cáo kết quả thực hiện	16/11/2026	30/11/2026					
		<i>P.QLĐTXĐĐT, P.CTSV, P.KTĐBCL phối hợp thực hiện theo kế hoạch của P. QTCSVC.</i>								
		<ul style="list-style-type: none"> - Số đầu sách giáo trình, sách chuyên khảo trên một ngành đào tạo: 40/CTĐT. - Số bản sách giáo trình, sách chuyên khảo tính bình quân trên một NH: 5/NH. - Tài liệu số, thư viện số thông qua tỷ lệ số hóa tài liệu nội sinh của Nhà trường: 90%. 	Lập kế hoạch Triển khai	15/01/2026 16/02/2026	15/02/2026 30/11/2026	TS. Quách Thanh Hải	TT.HLDHS	Các Khoa/Viện có quan ngành		
Báo cáo kết quả thực hiện	15/11/2026	30/11/2026								

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN (Tháng/năm)		CHỈ ĐẠO	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/PHỐI HỢP
				BẮT ĐẦU	KẾT THÚC			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		- Mỗi môn học lý thuyết đều có tối thiểu 1 giáo trình/sách. <i>Các Khoa/Viện phối hợp lên danh mục sách giáo trình theo đề cương môn học và thực hiện theo kế hoạch của TT.HLDHS.</i>						
		- Số máy tính cá nhân trên 1.000 SV: 77 máy tính. - Tốc độ Internet trên 1.000 SV: 135 Mbps.	Lập kế hoạch Triển khai Báo cáo kết quả thực hiện	01/01/2026 16/02/2026 16/11/2026	15/02/2026 15/11/2026 30/11/2026	TS. Quách Thanh Hải	TT.TTMT	Các đơn vị như phân công
		<i>Các đơn vị: P.CTSV, P.QTCSVC, P.ĐT, TT.HLDHS, V.SDH phối hợp thực hiện theo kế hoạch của TT.TTMT.</i>						
		- Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất theo chuẩn dịch vụ tại ký túc xá cơ sở 2 với quy mô 42 phòng. - Doanh thu từ phí nội trú của ký túc xá trong năm 2026 tăng 10 - 15% so với năm 2025.	Lập kế hoạch Triển khai Báo cáo kết quả thực hiện	01/01/2026 16/02/2026 16/11/2026	15/02/2026 15/11/2026 30/11/2026	PGS.TS. Châu Đình Thành	B.QLKTX	P.QLĐTXĐĐT, P. QTCSVC
		<i>P.QLĐTXĐĐT, P.QTCSVC phối hợp thực hiện theo kế hoạch của B.QLKTX.</i>						
3	Xây dựng nguồn lực tài chính bền vững	<ul style="list-style-type: none"> Tổng doanh thu năm 2026: 1.345 tỷ. Cơ cấu các nguồn thu: <ul style="list-style-type: none"> Thu lệ phí: 3 tỷ. Thu học phí chính quy: 1.201 tỷ. Thu dịch vụ: 130 tỷ. Thu từ NSNN: 11 tỷ. Cân đối tài chính và hiệu quả hoạt động để phát triển bền vững: <ul style="list-style-type: none"> Biên độ hoạt động thu chi: 9%. Chỉ số tăng trưởng bền vững: 11%. 	Lập kế hoạch Triển khai Báo cáo kết quả thực hiện	15/01/2026 16/02/2026 16/11/2026	15/02/2026 15/11/2026 30/11/2026	TS. Trương Thị Hiền	P.KHTC	Các đơn vị trong toàn Trường
		<i>Các đơn vị phối hợp thực hiện theo kế hoạch của P.KHTC.</i>						
4		- Xây dựng bộ tiêu chí, đề án trở thành Smart University.	Lập kế hoạch Triển khai	15/01/2026 16/02/2026	15/02/2026 15/11/2026	PGS.TS. Châu	TT.STKNC GCN	Các đơn vị như phân công

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN (Tháng/năm)		CHỈ ĐẠO	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/PHỐI HỢP
				BẮT ĐẦU	KẾT THÚC			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Chuyển đổi số để hướng đến Smart University		Báo cáo kết quả thực hiện	16/11/2026	30/11/2026	Đình Thành		
<i>Các đơn vị P.KHCN, TT.TTMT, TT.HLDHS, B.QLKTX, P.QHDN, P.QTTHTT phối hợp thực hiện theo kế hoạch của TT.STKNCGCN.</i>								
G6	HCM-UTE đồng hành cùng sự thành công của người học							
1	Người học và cựu người học – niềm tự hào của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM	<ul style="list-style-type: none"> Tuyển sinh và đào tạo: <ul style="list-style-type: none"> Quy mô sinh viên toàn Trường hệ chính quy: 30.000 SV. Cơ cấu tỷ lệ SV ĐH hệ học bằng tiếng Anh/hệ chuẩn: 1/5,7. Cơ cấu tỷ lệ ĐH/Cao học: 42/1. Chỉ số của chuẩn CSGD: <ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn: 42%. Tỷ lệ SV tốt nghiệp sau 2 năm của thời gian đào tạo chuẩn: 62%. 	Lập kế hoạch	20/01/2026	15/02/2026	TS. Quách Thanh Hải	P.ĐT	TT.HLDHS, P.QTTHTT, K.ĐTTT, V.ĐTQT, V.SĐH, Khoa/Viện
		- Quy mô sinh viên toàn Trường hệ chính quy: 30.000 SV.	Triển khai	15/02/2026	30/10/2026			
		- Cơ cấu tỷ lệ SV ĐH hệ học bằng tiếng Anh/hệ chuẩn: 1/5,7.	Báo cáo kết quả thực hiện	30/10/2026	30/11/2026			
		- Cơ cấu tỷ lệ ĐH/Cao học: 42/1.						
		- Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn: 42%.						
- Tỷ lệ SV tốt nghiệp sau 2 năm của thời gian đào tạo chuẩn: 62%.								
Tuyển sinh và đào tạo:		<ul style="list-style-type: none"> - P.ĐT: chủ trì tổ chức tuyển sinh đại học chính quy và VLVH. - TT.HLDHS: chủ trì tổ chức tuyển sinh đại học đào tạo từ xa. - P.QTTHTT: chủ trì quảng bá, tư vấn tuyển sinh. - K.ĐTTT và V.ĐTQT: tăng cường quảng bá, thu hút tuyển sinh các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh, chương trình liên kết. - Các Khoa/Viện phối hợp thực hiện. 						
Chỉ số của chuẩn CSGD về tỷ lệ SV tốt nghiệp:		<ul style="list-style-type: none"> - P.ĐT: cung cấp số liệu thống kê, đề xuất giải pháp và tham mưu chính sách. - Các Khoa/Viện phân tích số liệu thống kê, đề xuất và thực hiện giải pháp cải thiện tỷ lệ SV tốt nghiệp. 						
<ul style="list-style-type: none"> Hệ số biến động nhập học: 10%. Tỷ lệ thôi học của SV: < 5%. Tỷ lệ thôi học của SV năm nhất: 3%. 		Lập kế hoạch	01/01/2026	30/03/2026	TS. Quách Thanh Hải	P.CTSV	P.ĐT, P.QTTHTT Các Khoa/Viện quản sinh	
		Triển khai	01/02/2026	15/11/2026				
		Báo cáo kết quả thực hiện	01/11/2026	30/11/2026				
<i>Các đơn vị phối hợp thực hiện theo kế hoạch của P.CTSV.</i>								
- Tỷ lệ có việc làm của SV sau 12 tháng TN: 99%.		Lập kế hoạch	01/01/2026	30/03/2026	PGS.TS. Châu	P.KTĐBCL	P.QHDN,	
		Triển khai	01/02/2026	15/11/2026				

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN (Tháng/năm)		CHỈ ĐẠO	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/PHỐI HỢP
				BẮT ĐẦU	KẾT THÚC			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ hài lòng của SV tốt nghiệp với tổng thể quá trình học tập và trải nghiệm tại Nhà trường: 86%. - Tỷ lệ hài lòng của SV với GV về chất lượng và hiệu quả giảng dạy: 93%. - Tỷ lệ NH hài lòng về môi trường học tập: 80%. - Tỷ lệ hài lòng của DN đối với SV tốt nghiệp của Trường: 93%. 	Báo cáo kết quả thực hiện	01/11/2026	30/11/2026	Đình Thành		Các Khoa/Viện quản ngành
<i>Các Khoa/Viện quản ngành liên hệ đơn đốc cựu người học để nâng cao tỷ lệ tham gia khảo sát.</i>								
2	Xây dựng cộng đồng cựu sinh viên (CSV) năng động, gắn kết và đồng hành cùng sự phát triển của Nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng câu lạc bộ doanh nghiệp CSV: phát triển thêm ít nhất 02 CLB Doanh nghiệp CSV. - Tỷ lệ các Chi hội cựu sinh viên các khoa tổ chức ít nhất 02 hoạt động/năm: 70% Chi hội CSV nước ngoài gắn kết CSV đang học tập/làm việc ở nước ngoài tổ chức ít nhất 01 hoạt động hỗ trợ sinh viên. 	Lập kế hoạch	01/01/2026	31/01/2026	TS. Trương Thị Hiền	P.QHDN	P.QHQT, Các Khoa/Viện
			Triển khai	01/02/2026	31/10/2026			
			Báo cáo kết quả thực hiện	01/11/2026	30/11/2026			
<i>Các Khoa/Viện, P.QHQT phối hợp thực hiện theo kế hoạch của P.QHDN.</i>								
B	KPIs THEO NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM							
1	Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo Nghị quyết số 57-NQ/TW	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng công bố khoa học quốc tế thuộc WoS/Scopus tăng trung bình 10%/năm: 527 bài báo. - Số lượng đơn đăng ký/văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích tăng trung bình 17%/năm: 51 đơn đăng ký/văn bằng. - Số lượng đề tài, dự án khoa học công nghệ hợp tác với doanh nghiệp: 04 đề tài/dự án. - Thành lập tối thiểu 01 nhóm nghiên cứu mạnh và 02 nhóm nghiên cứu trọng điểm. 	Lập kế hoạch	01/01/2026	30/3/2026	PGS.TS. Châu Đình Thành	P.KHCN	Các Khoa/Viện quản ngành
			Triển khai	01/02/2026	15/11/2026			
			Báo cáo kết quả thực hiện	01/11/2026	30/11/2026			

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN (Tháng/năm)		CHỈ ĐẠO	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/PHỐI HỢP																																											
				BẮT ĐẦU	KẾT THÚC																																														
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)																																											
		- P.KHCN chủ trì tổ chức 02 hội thảo khoa học quốc tế uy tín. - Khoa/Viện chủ trì tổ chức 05 hội thảo quốc tế và 05 hội thảo trong nước. - Khoa/Viện tổ chức các cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật cho sinh viên: Số lượng cuộc thi theo số lượng sinh viên của Khoa/Viện quản lý.																																																	
		- Số lượng bài báo năm 2026: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Khoa/Viện</th> <th>CKM</th> <th>GTNL</th> <th>CNHHTP</th> <th>CNTT</th> <th>CTL</th> <th>InTT</th> <th>KHUD</th> <th>KT</th> <th>NN</th> <th>TTDL</th> <th>XD</th> <th>ĐTTT</th> <th>ĐĐT</th> <th>SPKT</th> <th>GDTC</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Số lượng</td> <td>70</td> <td>31</td> <td>73</td> <td>17</td> <td>12</td> <td>6</td> <td>48</td> <td>28</td> <td>17</td> <td>25</td> <td>86</td> <td>8</td> <td>90</td> <td>14</td> <td>2</td> </tr> </tbody> </table>	Khoa/Viện	CKM	GTNL	CNHHTP	CNTT	CTL	InTT	KHUD	KT	NN	TTDL	XD	ĐTTT	ĐĐT	SPKT	GDTC	Số lượng	70	31	73	17	12	6	48	28	17	25	86	8	90	14	2																	
Khoa/Viện	CKM	GTNL	CNHHTP	CNTT	CTL	InTT	KHUD	KT	NN	TTDL	XD	ĐTTT	ĐĐT	SPKT	GDTC																																				
Số lượng	70	31	73	17	12	6	48	28	17	25	86	8	90	14	2																																				
		- Số lượng SHTT năm 2026: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>SC/GPHI</th> <th>CKM</th> <th>GTNL</th> <th>CNHHTP</th> <th>KHUD</th> <th>ĐĐT</th> <th>XD</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Số lượng</td> <td>14</td> <td>4</td> <td>1</td> <td>1</td> <td>25</td> <td>2</td> </tr> </tbody> </table>	SC/GPHI	CKM	GTNL	CNHHTP	KHUD	ĐĐT	XD	Số lượng	14	4	1	1	25	2																																			
SC/GPHI	CKM	GTNL	CNHHTP	KHUD	ĐĐT	XD																																													
Số lượng	14	4	1	1	25	2																																													
		- Khoa/Viện tổ chức hội thảo năm 2026: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Khoa/Viện</th> <th>XD</th> <th>CTL</th> <th>KHUD</th> <th>ĐĐT</th> <th>KT</th> <th>GTNL</th> <th>NN</th> <th>InTT</th> <th>CNHHTP</th> <th>SPKT</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Hội thảo trong nước</td> <td></td> <td>X</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td>X</td> <td>X</td> <td></td> <td>X</td> <td>X</td> </tr> <tr> <td>Hội thảo quốc tế</td> <td>X</td> <td></td> <td>X</td> <td>X</td> <td>X</td> <td></td> <td></td> <td>X</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Dự kiến tổ chức</td> <td>11/2026</td> <td>01/2026</td> <td>12/2026</td> <td>07/2026</td> <td>06/2026</td> <td>06/2026</td> <td>11/2026</td> <td>11/2026</td> <td>09/2026</td> <td>08/2026</td> </tr> </tbody> </table>	Khoa/Viện	XD	CTL	KHUD	ĐĐT	KT	GTNL	NN	InTT	CNHHTP	SPKT	Hội thảo trong nước		X				X	X		X	X	Hội thảo quốc tế	X		X	X	X			X			Dự kiến tổ chức	11/2026	01/2026	12/2026	07/2026	06/2026	06/2026	11/2026	11/2026	09/2026	08/2026					
Khoa/Viện	XD	CTL	KHUD	ĐĐT	KT	GTNL	NN	InTT	CNHHTP	SPKT																																									
Hội thảo trong nước		X				X	X		X	X																																									
Hội thảo quốc tế	X		X	X	X			X																																											
Dự kiến tổ chức	11/2026	01/2026	12/2026	07/2026	06/2026	06/2026	11/2026	11/2026	09/2026	08/2026																																									
		- Số lượng tối thiểu sân chơi khoa học, kỹ thuật cho sinh viên: Khoa/Viện có ít hơn 1.000 sinh viên: 01 sân chơi; 1.000 – 2.000 sinh viên: 02 sân chơi; 2.000 – 3.000 sinh viên: 3 sân chơi; 3.000 – 4.000 sinh viên: 4 sân chơi; lớn hơn 4.000 sinh viên: 5 sân chơi. Cụ thể số lượng sân chơi của từng đơn vị như sau: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Khoa/Viện</th> <th>KT</th> <th>CNTT</th> <th>ĐĐT</th> <th>XD</th> <th>CKM</th> <th>GTNL</th> <th>CTL</th> <th>CNHHTP</th> <th>InTT</th> <th>TTDL</th> <th>ĐTTT</th> <th>SPKT</th> <th>NN</th> <th>KHUD</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Số lượng</td> <td>4</td> <td>3</td> <td>5</td> <td>4</td> <td>5</td> <td>3</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>2</td> <td>2</td> <td>4</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>1</td> </tr> </tbody> </table>	Khoa/Viện	KT	CNTT	ĐĐT	XD	CKM	GTNL	CTL	CNHHTP	InTT	TTDL	ĐTTT	SPKT	NN	KHUD	Số lượng	4	3	5	4	5	3	1	2	2	2	4	1	2	1																			
Khoa/Viện	KT	CNTT	ĐĐT	XD	CKM	GTNL	CTL	CNHHTP	InTT	TTDL	ĐTTT	SPKT	NN	KHUD																																					
Số lượng	4	3	5	4	5	3	1	2	2	2	4	1	2	1																																					
		- Các nội dung còn lại, đơn vị phối hợp theo kế hoạch của P.KHCN.																																																	
2	Thu hút nhà khoa học và chuyên gia giỏi tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học theo	Số lượng nhà khoa học, chuyên gia giỏi là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học: 10 nhà khoa học, chuyên gia	Lập kế hoạch Triển khai Báo cáo kết quả thực hiện	01/01/2026 16/02/2026 16/11/2026	15/02/2026 15/11/2026 30/11/2026	PGS.TS. Lê Hiếu Giang	P.TCNS	Các đơn vị trong toàn Trường																																											

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN (Tháng/năm)		CHỈ ĐẠO	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/PHỐI HỢP
				BẮT ĐẦU	KẾT THÚC			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	quyết định số 374/QĐ-TTg	<i>Các đơn vị phối hợp triển khai thực hiện theo kế hoạch của P.TCNS.</i>						
3	Rà soát, hiệu chỉnh KHCL Trường và xây dựng KHCL các đơn vị đào tạo giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2035	- Bản hiệu chỉnh KHCL Trường giai đoạn 2024-2030, tầm nhìn 2035.	Lập kế hoạch	01/01/2026	28/02/2026	PGS.TS. Châu Đình Thành	P.KTĐBCL	Các đơn vị như phân công
		- Bản KHCL của 14 Khoa/Viện giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2035.	Triển khai	01/02/2026	30/06/2026			
			Báo cáo kết quả thực hiện	01/11/2026	30/11/2026			
<i>Các đơn vị phối hợp thực hiện theo kế hoạch của P.KTĐBCL, cụ thể:</i>								
<i>- Đối với KHCL Trường: P.ĐT, P.KHCN, P.QHDN, P.QHQT, P.QTHTT, P.CTSV, P.TCNS, P.QTCSVC, P.KHTC, P.HCTH, TT.HLDHS, TT.STKNCGCN, TT.TTMT, B.KTX, TC.KHGDKT, V.SĐH, V.ĐTTT.</i>								
<i>- Đối với KHCL Khoa/Viện: K.ĐĐT, K.CKM, K.GTNL(CKĐ), K.CNTT, K.TTDL, K.KT, K.XD, K.CTL, K.KHUD, K.ĐTTT, K.CNHHTP, K.NN, K.InTT, V.SPKT.</i>								
4	Triển khai chữ ký số văn bản của đơn vị, văn bản trình ký Ban Giám hiệu	- Trình, chuyển giao văn bản đến điện tử trên hệ thống EO (sử dụng chữ ký số): 100%.	Lập kế hoạch	01/01/2026	15/01/2026	PGS.TS. Lê Hiếu Giang	P.HCTH	Các đơn vị trong toàn Trường
		- Trình, chuyển giao một số văn bản đi điện tử (theo kế hoạch) trên hệ thống EO (sử dụng chữ ký số): 100%.	Triển khai	01/02/2026	15/11/2026			
			Báo cáo kết quả thực hiện	01/11/2026	30/11/2026			
<i>Các đơn vị phối hợp thực hiện theo kế hoạch của P.HCTH.</i>								
5	Thực hiện đầy đủ việc kiểm tra, rà soát, soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản quản lý nội bộ (VBQLNB)	Thực hiện rà soát và xử lý VBQLNB đúng quy trình, đúng tiến độ theo danh mục tổng hợp của các đơn vị: 100%.	Lập kế hoạch	01/01/2026	31/01/2026	PGS.TS. Lê Hiếu Giang	P.HCTH	Các đơn vị trong toàn Trường
			Triển khai	09/01/2026	15/11/2026			
			Báo cáo kết quả thực hiện	01/11/2026	30/11/2026			
<i>Các đơn vị phối hợp thực hiện theo kế hoạch của P.HCTH.</i>								
6	Phát triển đào tạo sau đại học	- Tăng quy mô đào tạo sau đại học: 15%.	Lập kế hoạch	15/01/2026	15/02/2026	PGS.TS. Lê Hiếu Giang	V.SĐH	Các đơn vị như phân công
		- Tỷ lệ học viên chương trình Thạc sĩ tốt nghiệp đúng hạn: 40%.	Triển khai	16/01/2026	15/11/2026			
			Báo cáo kết quả thực hiện	16/11/2026	30/11/2026			

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN (Tháng/năm)		CHỈ ĐẠO	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/PHỐI HỢP
				BẮT ĐẦU	KẾT THÚC			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<i>Các khoa/Viện: ĐĐT, CKM, GTNL, CNTT, KT, XD, CNHHTP, SPKT có CTĐT bậc ThS phối hợp tăng cường quảng bá tuyển sinh cũng như đảm bảo hỗ trợ học viên tốt nghiệp đúng hạn.</i>						
7	Tăng cường hiệu quả hoạt động truyền thông trực tuyến	Mở rộng phạm vi tiếp cận thương hiệu trên các nền tảng mạng xã hội: 55 triệu lượt tiếp cận. - Gia tăng mức độ tương tác của cộng đồng trên các nền tảng mạng xã hội: 480 nghìn lượt tương tác. - Củng cố và mở rộng nhận diện thương hiệu thông qua số lượt tìm kiếm trên google: 1.1 triệu lượt. - Tăng lưu lượng truy cập vào website chính thức của Trường: 3.12 triệu lượt.	Lập kế hoạch	15/01/2026	28/02/2026	TS. Trương Thị Hiền	P.QTTHTT	Phòng: TCNS, QHDN, QHQT, CTSV, ĐT, KHCN Các Khoa/Viện.
			Triển khai	01/3/2026	15/11/2026			
			Báo cáo kết quả thực hiện	16/11/2026	30/11/2026			
<i>Các đơn vị phối hợp thực hiện theo kế hoạch của P.QTTHTT.</i>								
8	Tăng cường chương trình đào tạo tiên tiến	Có ít nhất 02 chương trình đào tạo được chuyên giao/bản quyền từ các trường đại học tiên tiến của nước ngoài.	Lập kế hoạch	15/01/2026	28/02/2026	TS. Quách Thanh Hải	K.ĐTTT	P.QHQT V.ĐTQT K.CKM K.ĐĐT
			Triển khai	01/3/2026	15/11/2026			
			Báo cáo kết quả thực hiện	16/11/2026	30/11/2026			
<i>Các đơn vị phối hợp thực hiện theo kế hoạch của K.ĐTTT.</i>								

Ghi chú: Nhằm đánh giá mức độ hoàn thành các nội dung thuộc MTCL cấp Trường trên hệ thống IQA, từng nhiệm vụ trong MTCL được gán mức tỷ trọng (1, 2, 3) theo Phụ lục đính kèm.

Người biên soạn

Người xem xét

Người phê duyệt

PGS.TS. Đỗ Thành Trung

PGS. TS. Châu Đình Thành

PGS. TS. Lê Hiếu Giang

PHỤ LỤC
Mức tỷ trọng của các nhiệm vụ trong MTCL năm 2026

TT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	MỨC TỶ TRỌNG		
			Thấp (1)	Trung bình (2)	Cao (3)
KPIs THEO KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC					
G1	Phát triển các ngành nghề và mô hình đào tạo mới				
1	Xác định và tập trung phát triển các ngành/nhóm ngành đào tạo mũi nhọn của Nhà trường	P.ĐT			X
2	Phát triển các ngành đào tạo mới mang tính liên ngành, liên lĩnh vực/Tích hợp các CTĐT hiện hữu nhằm đạt hiệu quả cao trong đào tạo				
2.1	- Số lượng CTĐT đại học có tính liên ngành, liên thông, hội nhập và ứng dụng AI/công nghệ: 52 CTĐT	P.ĐT			X
2.2	- Số lượng CTĐT trình độ Thạc sĩ: 23 CTĐT - Số lượng CTĐT trình độ Tiến sĩ: 12 CTĐT	V.SĐH			X
3	Mở rộng đào tạo từ xa bằng hình thức đào tạo trực tuyến	TT.HLDHS		X	
G2	Tăng cường hội nhập và mở rộng quan hệ với đối tác bên ngoài				
1	Tăng cường gắn kết và mở rộng quan hệ đối tác với các doanh nghiệp	P.QHDN		X	
2	Chủ động chiến lược hợp tác quốc tế	V.ĐTQT	X		
3	Phát triển đa dạng các CTĐT và mô hình liên kết quốc tế	V.ĐTQT		X	
G3	Xây dựng danh tiếng đồng hành cùng thương hiệu của Nhà trường				
1	Tham gia xếp hạng đại học thế giới/Châu Á				
1.1	- Chỉ số xếp hạng QS Châu Á chu kỳ 2027	P.KTĐBCL		X	
1.2	- Chỉ số công bố khoa học	P.KHCN			X
1.3	- Chỉ số trao đổi GV, SV - Chỉ số GV, SV quốc tế	P.QHQT	X		
2	Phát triển Tạp chí JTE, nâng tầm quốc tế	TCKHGDKT		X	
3	Củng cố và cải tiến hệ thống ĐBCL bên trong	P.KTĐBCL			X
4	Đẩy mạnh quảng bá hình ảnh Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM trong cộng đồng	P.CTSV			X
G4	Tác động và đóng góp tích cực cho xã hội				
1	Nghiên cứu và sáng tạo để chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng				
1.1	- Các chỉ số về nghiên cứu khoa học	P.KHCN		X	
1.2	- Các chỉ số về khởi nghiệp	TT.STKHCG CN		X	
1.3	- Số lượng các sân chơi NCKH cho học sinh phổ thông	P.CTSV			X
2	Nghiên cứu khoa học đóng góp tri thức cho nhân loại	P.KHCN		X	

TT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	MỨC TỶ TRỌNG		
			Thấp (1)	Trung bình (2)	Cao (3)
G5	Khai thác hiệu quả và bền vững các nguồn nhân lực để phát triển Nhà trường				
1	Phát triển nguồn lực con người	P.TCNS		X	
2	Nâng tầm cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất				
2.1	- Diện tích đất, diện tích sàn	P.QTCSVC		X	
2.2	- Sách, giáo trình, tài liệu số	TT.HLDHS	X		
2.3	- Máy tính, internet	TT.TTMT	X		
2.4	- KTX chất lượng cao	B.QLKTX	X		
3	Xây dựng nguồn lực tài chính bền vững	P.KHTC	X		
4	Chuyển đổi số để hướng đến Smart University	TT.STKNCG CN	X		
G6	HCM-UTE đồng hành cùng sự thành công của người học				
1	Người học và cựu người học – niềm tự hào của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM				
1.1	- Quy mô đào tạo	P.ĐT		X	
1.2	- Chỉ số nhập học, thôi học	P.CTSV	X		
1.3	- Khảo sát các bên liên quan về chuẩn CSGD	P.KTĐBCL		X	
2	Xây dựng cộng đồng cựu sinh viên năng động, gắn kết và đồng hành cùng sự phát triển của Nhà trường	P.QHDN		X	
KPIs THEO NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM					
1	Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo Nghị quyết 57-NQ/TW	P.KHCN		X	
2	Thu hút nhà khoa học và chuyên gia giỏi tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học theo Nghị quyết 374/QĐ-TTg	P.TCNS		X	
3	Rà soát, hiệu chỉnh kế hoạch chiến lược (KHCL) Trường và xây dựng KHCL các đơn vị đào tạo giai đoạn 2025-2030	P.KTĐBCL		X	
4	Triển khai chữ ký số văn bản của đơn vị, văn bản trình ký Ban Giám hiệu	P.HCTH		X	
5	Thực hiện đầy đủ việc kiểm tra, rà soát, soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản quản lý nội bộ (VBQLNB)	P.HCTH			X
6	Phát triển đào tạo sau đại học	V.SĐH		X	
7	Tăng cường hiệu quả hoạt động truyền thông trực tuyến	P.QTTHTT		X	
8	Tăng cường chương trình đào tạo tiên tiến	K.ĐTTT		X	
Tổng cộng có 26 mục tiêu, được phân bổ thành 36 nhiệm vụ cho 19 đơn vị chủ trì					